

Bản án số: 17/ 2025/HS-ST
Ngày: 11 - 12 – 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngu .

2. Bà Nguyễn Thị Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Nghĩa và Trần Thị Miên - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại Hội trường ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2025/TLST- HS, ngày 05 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 11 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Phương N. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày 14 tháng 9 năm 2000. Nơi sinh: xã H, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm T, xã H, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ: Không; Trình độ văn hóa: 12/12. Họ và tên bố: Đặng Đình H (Đã chết); Họ và tên mẹ: Hoàng Thị K, sinh năm 1982; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Không có.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: 01. Ngày 7/11/2025 bị Công an xã H, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Mức phạt là 1.500.000đ, bị cáo chưa thi hành.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Người chứng kiến: Chị Nguyễn Thị K1, sinh năm 1981.

Trú tại: Xóm T, xã H, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 05 phút ngày 12/8/2025, tại khu vực xóm S, xã H, tỉnh Thái Nguyên tổ công tác của Công an xã H trong khi đang làm nhiệm vụ thì phát hiện

Đặng Phương N có biểu hiện liên quan đến ma túy nên đã tiến hành kiểm tra. Tại đây, N tự nguyện giao nộp từ trong túi quần phía sau bên trái đang mặc 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu “Thăng Long”, bên trong có 02 túi nilon trắng viền đỏ, chứa chất bột màu trắng, N khai là ma túy loại Heroine vừa mua để sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đặng Phương N, thu giữ gói chất bột màu trắng của Nam theo quy định (ký hiệu bì niêm phong N1). Sau đó, làm thủ tục chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T để giải quyết theo thẩm quyền.

Cùng ngày tại Phòng K2 Công an tỉnh T, các thành phần theo quy định đã tiến hành cân xác định khối lượng số chất bột màu trắng thu giữ của Đặng Phương N được 0,241 gam. Niêm phong toàn bộ số chất bột màu trắng vừa cân được trong bì ký hiệu A1 gửi giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 152/KL-KTHS ngày 20/8/2025 của Phòng K2 - Công an tỉnh T kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine (Heroin); có khối lượng là 0,241 gam.

Tại Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, Đặng Phương N khai nhận: Do bản thân là người nghiện chất ma túy nên khoảng 10 giờ 30 phút ngày 12/8/2025, N đi bộ một mình từ nhà tại xóm T, xã H đến khu vực chợ Đ thuộc xã P, tỉnh Thái Nguyên để tìm mua ma túy về sử dụng. Tại đây, N đã mua của một người đàn ông không quen biết 03 túi nilon ma túy, loại Heroine với giá 600.000 đồng. N cất 03 túi ma túy vào vỏ bao thuốc lá Thăng L rồi rồi đút vào túi quần bên trái đi bộ về nhà. Trên đường về, khi đến khu vực nghĩa trang X, xã P, N lấy ra 01 túi ma túy ra và sử dụng hết, còn 02 gói ma túy còn lại Nam lại cất vào vỏ bao thuốc lá Thăng L rồi đút vào túi quần phía sau bên trái đang mặc rồi tiếp tục đi bộ về nhà, khi đi đến khu vực xóm S, xã H thì bị tổ công tác của Công an xã H kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-PL, ngày 03/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Đặng Phương N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đặng Phương N phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Phương N từ 36 đến 42 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì niêm phong ký hiệu A1 bên trong chứa 0,227 gam mẫu sau giám định và vỏ bao mẫu gói mẫu ký hiệu A1; 01 (một) bì niêm phong ký hiệu A2 bên trong chứa vỏ bì niêm phong ký hiệu N1 và các vỏ giấy gói thu giữ ban đầu của Đặng Phương N.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có tranh luận gì. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người chứng kiến, vật chứng thu giữ, biên bản bắt quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Hồi 12 giờ 05 phút ngày 12/8/2025 tại xóm S, xã H, tỉnh Thái Nguyên, Đặng Phương N có hành vi tàng trữ trái phép 0,241 gam ma túy, loại Heroine, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị tố công tác của Công an xã H, tỉnh Thái Nguyên kiểm tra phát hiện, bắt quả tang, thu giữ ma túy.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đặng Phương N đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2025 (Khoản 18 Điều 1 Luật 86/2025).

Nội dung Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quyền lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm hình sự khác, hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS.

Từ những căn cứ nêu trên, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc có một mức án tương xứng với nhân thân, tính chất mức độ tội phạm do bị cáo gây ra.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy việc bị cáo phạm tội không nhằm mục đích thu lợi bất chính, không có thu nhập ổn định, không có tài sản. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với vật chứng cấm tàng trữ, lưu hành, vật chứng không có giá trị gồm: 01 bì niêm phong ký hiệu A1, hoàn trả có 0,227 gam mẫu A1 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu A1; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A2, bên trong có 01 vỏ bì niêm phong ký hiệu N1 và các vỏ giấy gói thu giữ ban đầu của Đặng Phương N, cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về nguồn số ma túy thu giữ của Đặng Phương N, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo N khai mua của một người đàn ông lạ mặt không biết tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xác minh xử lý.

[7]. Trong vụ án, Đặng Phương N có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Qua quá trình điều tra xác định N không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với N về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Công an xã H đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

[8]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[9]. Cần áp dụng Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự ra quyết định tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án theo quy định.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

[11]. Thông báo về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, pháp luật áp dụng:

- Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2025; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự;

- Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Phương N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đặng Phương N 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 12 tháng 8 năm 2025. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Ra Quyết định tạm giam bị cáo Đặng Phương N với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì niêm phong ký hiệu A1, hoàn trả có 0,227 gam mẫu A1 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu A1; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A2, bên trong có 01 vỏ bì niêm phong ký hiệu N1 và các vỏ giấy gói thu giữ ban đầu của Đặng Phương N.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/11/2025 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đặng Phương N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm, nộp sung quỹ Nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt bị cáo (Đặng Phương N), báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái nguyên;
- VKSND, THADS khu vực 4;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Lý